**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 4**

(Từ ngày 25/9/2023 đến 29/9/2023)

**Cách ngôn: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2**  (25/9) | **Sáng** | 1  2  3  4 | HĐTN  T  TV  TV | Chào cờ đầu tuần  So sánh số  Bài 11: I, I, K, k.  Bài 11: I, I, K, k |
|  | **Chiều** | 1  2  3 | TV  TV  LTV | Bài 12: H, h, L, l  Bài 12: H, h, L, l  Luyện Tiếng Việt |
| **3**  (26/9 | **Sáng** | 1  2  3 |  |  |
|  | **Chiều** | 1  2  3 | TV TV  HĐTN | Bài 12: U, u, Ư, ư  Bài 12: U, u, Ư,  Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi |
| **4**  **(**27**/**9) | **Sáng** | 1  2  3  4 | TV  TV  ĐS | Bài 13: Ch, CH, kh, KH  Bài 13: Ch, CH, kh, KH  Đọc sách |
| **5**  (28/9) | **Sáng** | 1  2  3  4 | TV TV  T | Bài 14: Ôn tập và kể chuyện  Bài 14: Ôn tập và kể chuyện  So sánh số |
| **6**  (29/9) | **Sáng** | 1  2  3 | TV  TV  T  LTV | Ôn luyện tuần 4  Ôn luyện tuần 4  So sánh số  Luyện đọc, viết. |
|  | **Chiều** | 1  2  3  4 | LT  HĐTN | Luyện toán  Sinh hoạt lớp |

**Toán:**

**BÀI 4: SO SÁNH SỐ (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức,kĩ năng**

- Nhận biết được các dấu >,<,=

- Hiểu và sử dụng được các dấu >,<,= khi so sánh hai số

- Nhận biết được cách so sánh,xếp thứ tự các số trong phạm vi 10( Ở các nhóm ko quá 4 số )

**2 .Năng lực và phẩm chất**

- Năng lực tư duy tìm ra nhóm đồ vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất

- Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, góp phần phát triển tư duy và suy luận, năng lực giao tiếp toán học.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- GV: Tranh SGK, PBT bài 3

- HS: Bộ đồ dùng học toán 1, bảng con

**III. Các hoạt động dạy học :**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động1.Khởi động**:  -Cho hs đếm số ngón tay ở hai bàn tay  +Số ngón tay ở tay nào nhiều hơn,tay nào ít hơn  - Đố các em con vịt kêu thế nào?  Hôm nay chúng ta sẽ học so sánh với những chú vịt nhé | -Tay trái 5 có năm ngón,tay phải 5 ngón  - số ngón tay ở hai bàn tay bằng nhau  - Tiếng kêu của vịt là cặp cặp |
| **Hoạt động 2:Bài mới**  **1.Giới thiệu bài :** Lớn hơn, dấu >  **2.Khám phá:**  - Gắn hình lên bảng và hỏi : Bên trái có mấy con vịt ? Bên phải có mấy con vịt ?  - Viết số 4 và 3 tương ứng dưới mỗi hình.  +Số vịt bên trái nhiều hơn hay số vịt bên phải nhiều hơn ?  \* Kết luận: *4 con vịt bên trái nhiều hơn 3 con vịt bên phải.Vậy 4 lớn hơn 3*  *-* Viết 4 >3 lên bảng  - Giới thiệu dấu > đọc là "lớn hơn"  - HDHS viết phép so sánh : 4 > 3 vào bảng con  - Hình 2 : Tiến hành tương tự như trên.  \* Viết 5 > 4 | -Cá nhân  - Bên trái có 4 con vịt ,bên phải có 3 con vịt  -Theo dõi  -Số vịt bên trái nhiều hơn số vịt bên phải  - Lắng nghe  - Đọc cá nhân " 4 lớn hơn 3"  - Viết bảng con : 4> 3  -Thực hiện theo yêu cầu |
| **3.Hoạt động**:  Bài 1/24: Tập Viết dấu >  GV hd HS viết 1 dòng dấu > vào VBT.  *\*BT này các em lưu ý viết dấu lớn đúng kích thước*  Bài 2/24: Tìm số thích hợp  - Nêu yêu cầu  -Hướng dẫn hs nối ô trống với số thích hợp  - Cho 1 hs làm mẫu  - Cho hs làm  -Nhận xét-chữa bài  *\**Bài này các em có thể thử từng số để chọn đáp án đúng  Bài 3/25: So sánh theo mẫu  -Hướng dẫn hs đếm số lượng các con vật rồi điền vào ô trống tương ứng sau đó so sánh và điền dấu lớn vào ô trống ở giữa  -Cho 1 hs làm mẫu hình con kiến  - Cho hs làm bài vào PBT  -Nhận xét-chữa bài  \*BT này các em lưu ý đếm chính xác số lượng các con vật có trong hình để so sánh điền dấu  Bài 4/25: Tìm đường về nhà đi qua các số lớn hơn 4  -Hướng dẫn hs hiểu y/ c đề bài và cách làm  - Cho hs dùng bút làm tìm đường đi vào sgk  -Nhận xét –chữa bài  **4. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn**  - GV cho hs đếm số cái bàn ở tổ 1 và tổ 2 rồi cài phép so sánh vào bảng cài  -Nhận xét – tuyên dương  **\* Củng cố, dặn dò**  - Tổng kết bài học.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những học sinh tích cực.  - Dặn HS về nhà hoàn thành các bài tập vào vở | Cá nhân  - Viết vào vở BT  -Cá nhân( miệng)  -Lắng nghe  -Nghe hướng dẫn cách làm  -Làm mẫu chọn số 4 lớn hơn số 3 nên nối ô trống đến số 4  - Trình bày trước lớp  H1: 4>3; H2:5>1; H3: 8>7  - Nhận xét.  -Nhóm 2  -Lắng nghe  - Làm mẫu  - Làm bài PBT-Đính bảng  - Hs kiểm tra bài lẫn nhau theo nhóm cặp  H2: 2>1; H3: 7>2 ; H4: 6>1  -Nhóm 2  -Lắng nghe  - Hs làm bài vào vở theo nhóm cặp.  -đại diện nhóm chia sẻ kq  Trường- 5-6-7-5-8-9-10-8-7-6-Nhà  - Đếm và cài theo nhóm 2em |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….........................**

**.................................................................................................................................**

**Tiếng Việt:**

**BÀI 11: I, i: K, k**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực:**

- Nhận biết và đọc đúng các âm i, k; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm i, k;hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các chữ i, k; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ i, k.

-Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm i, k có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời giới thiệu, làm quen.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh hoạ: 1. Tranh Nam đang vẽ, bức vẽ sắp hoàn thành; 2. Tranh một con kì đà đang bò kẽ đá; 3. Tranh Nam và một bạn khác đang nói chuyện, làm quen với nhau ở hành lang lớp học.

**2.Phẩm chất**

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè khi được cùng học, cùng chơi, cùng trò chuyện.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- GV cần nắm vững cách phát âm của các âm i, k; cấu tạo, và cách viết các chữ i, k.

- Nắm vững nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- Hiểu về loài động vật được giới thiệu trong bài:

Kỳ đà là một loài bò sát, thường sống ở những vùng rừng rậm gần sông suối, khe lạch, các đầm lầy, các cù lao, các khu rừng ẩm thấp của miền nhiệt đới. Phần lớn chúng làm tổ trong những hốc cây, kẽ đá. Chúng thường bắt chuột, bọ, ếch, nhái, cá làm thức ăn.Kỳ đà leo trèo rất giỏi, đặc biệt là leo trên đá, trên cây.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi | - HS chơi |
| **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nam/ vẽ/ kỳ đà.  - GV giúp HS nhận biết tiếng có âm i, k và giới thiệu chữ ghi âm i, k. | -HS trả lời: Bạn Nam đang vẽ…  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -HS lắng nghe |
| **3. Đọc**  **a. Đọc âm**  - Đọc âm i  + GV đưa chữ i lên bảng để giúp HS nhận biết chữ i trong bài học này.  + GV đọc mẫu âm i.  +GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc âm i, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  \* *Đọc âm k: Quy trình giống với quy trình đọc âm i.*  **b. Đọc tiếng**  - GV đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu ki, kì (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng ki, kì.  +GV yêu cầu một số (4-5) HS đánh vần tiếng mẫu ki, kì. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.GV lưu ý HS, c (xê) và k (ca) đều đọc là "cờ" Âm "cờ" viết là k (ca) khi âm này đứng trước i, e, ê; viết là c (xê) khi đứng trước các âm còn lại.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa âm i  •GV đưa các tiếng chứa âm i, yêu cầu HS tìm điểm chung .  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vấn tất cả các tiếng có cùng âm đang học.  • Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng có cùng âm i đang học.  + Đọc tiếng chứa âm k  Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm i  + GV yêu cầu đọc trơn các tiếng chứa những chữ đang học: Một số (3 -4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 - 4 tiếng có cả hai âm.  +GV yêu cầu 2 - 3 HS đọc tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa i.  + GV yêu cầu 3- 4 HS phân tích tiếng, 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bí đỏ, kẻ ô, đi đò, kì đà. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn bí đỏ.  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ bí đỏ xuất hiện dưới tranh.  - HS phân tích và đánh vần bí đỏ, đọc trơn từ bí đỏ.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với kẻ ô, đi đò, kì đà.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. | -HS quan sát  -HS lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm i, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HSTL: cùng chứa âm i  -HS đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  - HS đọc  -HS tự tạo  -HS trả lòi  -HS đọc  - HS lắng nghe và quan sát  - HS trả lời  -HS phân tích đánh vần  -HS đọc  -HS đọc |
| **4. Viết bảng**  - GV hướng dẫn HS chữ i, k.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ghi âm i, âm k và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết âm i, âm k.  - HS viết vào bảng con i, k và kẻ, kì  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  -HS nhận xét  -HS quan sát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ i, k (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ i.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  -HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có âm i, âm k.  - GV đọc mẫu cả câu.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc: + Tranh vẽ gì?  + Kì đà bò ở đâu?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy những ai trong tranh?  + Những người ấy đang ở đâu?  + Họ đang làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 1 HS đóng vai Nam, 1 HS đóng vai bạn còn lại. Bạn hỏi (ví dụ: Bạn tên gì? Bạn học lớp nào?...), Nam trả lời (tự giới thiệu bản thân mình).  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **\* Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm i ,k.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ i, k (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm .  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HSTL: Nam và các bạn đang nói chuyện….  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS thực hiện  -HS đóng vai, nhận xét  - HS lắng nghe |

**Tiếng Việt**

**Bài 12:** **H,h. L,l.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường. HS thấy được ích lợi của cây xanh có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây.

**2. Năng lực chung:**

Tự chủ tự học: HS tự hoàn thành công việc học tập của mình.

**3. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *h, l* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *h, l* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ *h, l*và các tiếng, từ có chữ *h, l.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *k, l* có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa trong SHS( trang 36, 37).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- thước kẻ, Bài thiết kế trình chiếu

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng**,** bảng con**.**

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2 (35’)** | |
| **\* Khởi động:** GV cho HS hát vui hoặc chơi trò chơi để tạo hứng khởi cho HS khi vào tiết học mới.  **5. Viết vở (10’)**  **Mục tiêu:** HS tô và viết được *h, l ,*và từ *hồ, le le* vào vở Tập viết cỡ chữ vừa.  - Hướng dẫn HS tô chữ h, l, viết từ hồ, le le (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vở Tập viết 1, tập một.  - Yêu cầu HS ngồi viết đúng tư thế, để sách ngay ngắn, cầm bút đúng cách.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và đánh giá một số bài viết của HS | **-** Quan sát vở tập viết  - Sửa tư thế trước khi viết bài  - Viết bài |
| **6. Đọc câu (10’)**  **Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi &đọc được đoạn văn có chữ *h, l*  - HS đọc thầm câu "Bé bị ho. Bà đã có lá hẹ”,  - Tìm tiếng có âm h,l  -GV chỉ  - Chữ nào được viết hoa? (...Bé, Bà)  - Vì sao chữ Bé, Bà được viết hoa? ( ... vì Bé ở đầu câu, Bà sau dấu chấm)  - Đây là 2 câu hay còn được gọi là một đoạn.  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Quan sát tranh con thấy gì? (...Bé bị ho, mẹ đang bế bé, bà thì đang cầm lá hẹ để làm thuốc cho bé uống.)  **\* Đọc bài sách giáo khoa.**  - Hướng dẫn đọc mục 2,4 SGK | **-** HS nêu (CN 2-3 em)  - Đọc trơn câu (CN, ĐT)  - Trả lời câu hỏi (CN)  - Quan sát tranh và trả lời các câu hỏi (CN)  - Đọc SGK (CN, ĐT) |
| **7. Nói theo tranh (10’)**  **Mục tiêu:** HS quan sát và nói được về các loài cây, thấy được ích lợi của cây xanh có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây.  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Tranh vẽ cảnh ở đâu? (... ở trong vườn)  + Em thấy những gì trong vườn nhà bà? (.... có rất nhiều cây như bưởi, bầu, cây nấm....)  + Bà trồng những cây đó để làm gì? ( ... bà trồng để lấy quả ăn, để lấy bóng mát...)  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai tình huống trên  - Trình bày trước cả lớp,  GV và HS nhận xét.  \* GD HS: Cây cối có rất nhiều lợi ích cho con người như: lấy gỗ đóng đồ dùng, lấy quả ăn, làm thuốc, cung cấp oxy, cho bóng mát...Chúng ta nên trồng nhiều cây xanh, chăm sóc và bảo vệ chúng. | - Quan sát tranh trong SHS và TLCH (CN)  - Nói lại toàn bộ nội dung tranh  - Nhận xét, bổ sung  - Thảo luận nhóm, đóng vai  - Một số nhóm trình bày |
| **\* Củng cố (5’)**  - Hôm nay học âm gì? (... âm h,l)  - Đọc lại bài  - Thi tìm tiếng, từ có âm h, l,  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà, tìm tên các đồ dung ở nhà có chứa âm h,l. | - Trả lời (CN 1,2 em)  - Đọc bài (ĐT)  - HS tìm và nêu miệng (CN)  - HS thực hành ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….........................**

**.................................................................................................................................**

**Tự nhiên -Xã hội:**

**Bài 4 AN TOÀN KHI SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Để được tiến thuật số đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

- Nhận biết được một số tình huống thuở ng gặp khi sử dụng đồ dùng, thiết bị trong nhà có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc những người thân và cách sử dụng an toàn đồ dùng thiết bị điện.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Có ý thức giữ gìn an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

- Biết cách xử lý đơn giản trong tình huống mình hoặc người khác bị thương

- Nhớ số điện thoại trợ giúp về y tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:**

-GV:+ Hình trong SGK phóng to 2-3 bộ hình đồ dùng, vật dụng trong nhà.

+ Phích cắm điện.

- HS: Tranh ảnh về một số đồ dùng có thể gây nguy hiểm trong nhà.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Mở đầu:**  - GV chiếu trên màn hình một số hình ảnh về các tình huống một bạn dùng bút chì giơ gắn mặt bạn, một bạn dùng kéo cắt tóc bạn, sau đó yêu cầu HS nhận xét về những hành động đó rồi dẫn dắt vào tiết học.  **2. Hoạt động khám phá**  - Từ những hiểu biết của HS ở hoạt động kết nối, GV Có thể kể thêm một số đồ dùng sắc nhọn khác trong nhà mà HS chưa biết.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, đưa ra câu hỏi gợi ý cho HS thảo luận để nhận biết nội dung chính của hình, từ đó rút ra cách sử dụng dao an toàn đúng cách.  - GV nhấn mạnh lại một số đồ dùng sắc nhọn thưởng có trong nhà và hướng dẫn cách sử dụng an toàn những đó dùng đỏ.  Yêu cầu cần đạt: Nêu được tên một số đồ dùng, vật dụng trong nhà có thể khiến bản thân hoặc người khác bị thương nếu sử dụng không đúng cách; kĩ năng sử dụng dao và đồ dùng sắc nhọn an toàn.  **3. Hoạt động thực hành**  GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi quan sát các hình ở SGK, đưa Ta câu hỏi gợi ý cho các em nhận biết nội dung ý nghĩa của từng hinh, và nói được cảnh cám dao, kéo đúng cách.  -Từ đó GV rút ra kết luận: Khi dùng dao, kéo hoặc những đổ dùng dễ vỡ và sắc nhọn, cần phải rất cẩn thận để tránh bị đứt tay và mất an toàn.  Yêu cầu cần đạt: Biết cách nhận biết, sử dụng an toàn một số đồ dùng, vật dụng sắc nhọn,  **4.Hoạt động vận dụng**  GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK và đưa ra câu hỏi gợi ý :  +Khi bị đứt tay do dao hoặc đồ dùng sắc nhọn, em cần làm gì?  -Sau đó GV tổng kết lại cách xử lí mà các em có thể làm được khi mình gặp tình huống đó.  Yêu cầu cần đạt: HS nhận biết được nhiều đồ dùng sắc nhọn có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc người khác và tự biết cách xử lý trong những tình huống đơn giản khi mình hoặc người khác bị thương,  **5. Đánh giá**  Kể được tên một số đồ dùng, vật dụng trong nhà có thể làm cho bản thân hoặc người khác bị thương và cách sử dụng đồ dùng, vật dụng đó đúng cách và an toàn, đồng thời biết cách xử lý trong những tình huống đơn giản.  **6. Hướng dẫn về nhà**  Chú ý sử dụng an toàn các đồ dùng sắc nhọn.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS trả lời   * - HS quan sát   -HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát và trả lời  -HS lắng nghe   * HS làm việc nhóm đôi   - HS tự để xuất cách xử lí.   * HS lắng nghe * HS kể * HS lắng nghe   HS lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| 1. **Mở đầu: Khởi động**   GV yêu cầu HS nhớ lại tình huống nguy hiểm mà em đã trải qua hoặc chứng kiến khi sử dụng đồ dùng vật dụng và kể trước lớp. GV có thể gợi ý: Cho tay vào quạt khi quạt đang chạy, sờ tay vào bàn là nóng, bị bỏng khi cầm cốc nước nóng...  **2. Hoạt động khám phá**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, để nhận biết nội dung hình và trả lời câu hỏi gợi ý của GV:  Vì sao em Hoa bị bỏng?  Hoa làm gì trong tình huống đó?  Em thấy Hoa xử lý như trên có đúng không?),  - Ngoài cách xử lý như trong SGK, khuyến khích HS nêu cách xử lí khác hợp lí mà các em đã chứng kiến hoặc thực hiện.  Yêu cầu cần đạt: Biết cách xử lý trong những tình huống nếu mình hoặc người khác bị thương, bị thông  **3. Hoạt động thực hành**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK về cách cắm phích điện và đưa ra câu hỏi gợi ý (Trong ba cách ở trong SGK, em thấy cách nào đúng? Vì sao?).  - GV có thể đưa phích cắm điện đã chuẩn bị để hướng dẫn cách cầm đúng cho HS; sau để cho một số bạn thực hành. GV nhận xét, đảnh giả và rút ra kết luận: Khi cầm phích cắm điện, các em phải lau tay thật khô và cắm đúng cách,  Yêu cầu cần đạt: HS biết và thực hành cấm phích cắm điện đúng cách, an toàn  **4. Hoạt động vận dụng**  - GV tổ chức cho HS quan sát hình trong SGK: một bạn chuẩn bị sổ tay vào bàn là đang cắm điện, gợi ý để các em nhận biết đó là việc làm không an toàn và em sẽ làm gì khi gặp tình huống đó.  - Ngoài những tình huống được thể hiện trong SGK GV khuyến khích HS đưa tại các cách xử lý phù hợp khi gặp những tình huống không an toàn khác.  - GV cũng khuyến khích HS kể những tình huống không an toàn khác và em gặp..  Yêu cầu cần đạt: HS biết cách xử lý một số tình huống khi bản thân và người thần sử dụng một số đồ dùng, thiết bị trong nhà không cẩn thận và biết cách cắm phích điện an toàn,  **3. Đánh giá**  - Biết cách sử dụng an toàn một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình và cách xử l phù hợp trong những tình huống đơn giản.  - Định hướng phát triển năng lực phẩm chất GV có thể tổ chức cho HS thảo luận về tình huống trong hình tổng kết cuối bài, sau đó có thể đưa rà VỘI MÔ tinh huống cụ thể khác để HS tự đưa ra cách xử lí. Thông qua đó, HS nắm được kiến thức, phát triển kĩ năng cần thiết cho cuộc sống  **4. Hướng dẫn về nhà**  Thực hành cắm phích điện đúng cách.   1. **Hoạt động khám phá**   **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | * HS nhớ và kể lại   - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm nêu được cách xử lý tình huống  -Nhóm khác theo dõi, bổ sung  - HS lắng nghe   * HS quan sát và trả lời * HS theo dõi * 2,3 HS trả lời * HS lắng nghe * HS quan sát   HS đưa tại các cách xử lý phù hợp khi gặp những tình huống không an toàn khác.   * HS kể * HS lắng nghe * HS chia sẻ * HS đóng vai theo tình huống * HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................................**

**Tiếng Việt**

**Bài 13:** **U,u. Ư,ư.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

-Bài học giúp học sinh hình thành các năng lực và phẩm chất sau đây:

**1. Phẩm chất:**

Giao tiếp hợp tác: mạnh dạng, tự tin khi giới thiệu cùng các bạn.

**2. Năng lực chung:**

Tự chủ tự học: HS tự hoàn thành công việc học tập của mình.

**3. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *u, ư* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *u, ư*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ *u, ư* và các tiếng, từ có chữ  *u, ư.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *u, ư* có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa trong SHS

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm u, ư , 1 quả đu đủ, sidle trình chiếu

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng**,** bảng con**.**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

**TIẾT 1(35’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Ôn và khởi động (6’)**   **Mục tiêu:**ôn lại chữ vừa học ở tiết trước *( h, l).*  - Ôn đọc lá đỏ bờ hồ cá hố  Bé bị ho. Bà đã có lá hẹ  - Ghép tiếng, từ có chứa l, h  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc (3 em)  - ghép trên bộ đồ dùng |
| 1. **Nhận biết (7’)**   **Mục tiêu:** HS nhận biết chữ *U u Ư ư*  - Yêu cầu quan sát tranh và TLCH  + Em thấy những gì trong bức tranh? (Bé đang ăn đu đủ chín)  \* Chốt: Đu đủ chín rất ngọt và bổ, bé rất thích ăn.  - Đưa câu**Đu đủ chín ngọt lừ.**  - Đọc mẫu: **Đu đủ chín ngọt lừ.**  - Nhận biết tiếng có âm u, ư giới thiệu chữ ghi âm u,ư. GV giới thiệu chữ U, Ư in hoa, u, ư in thường.  **-** Ghi đầu bài | - Quan sát, TLCH (CN)  - Nhận xét    - HS đọc theo GV 2,3 lần    - Nhắc lại đầu bài (CN nối tiếp) |
| 1. **Đọc (10’):**   **Mục tiêu:** HS đọc được chữ *u, ư* tiếng, từ ngữ có chứa *u, ư*  **a. Đọc âm u, ư**  **- *Âm u***  + GV đưa âmu lên bảng để giúp HS nhận biết chữ u trong bài học.  +GV đọc mẫu âm u  + GV yêu cầu HS đọc  **- *Âm ư***  + GV đưa âmư lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ư trong bài học.  +GV đọc mẫu âm ư  + GV yêu cầu HS đọc  - So sánh âm u, ư (Giống nhau u, khác nhau ư thêm móc, đọc khác nhau) | - Quan sát  - Lắng nghe  - Đọc (CN nối tiếp, ĐT)  - Quan sát  - Lắng nghe  - Đọc (CN nối tiếp, nam,nữ)  - So sánh u, ư (CN) |
| **b. Đọc tiếng**  + Giới thiệu mô hình tiếng mẫu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | đ | u |  | l | ư | | đủ | | lừ | |   + Y/C HS đánh đọc đ/v khung vần (đờ - u-đu-hỏi- đủ; lờ-ư-lư-huyền lừ.) | - Quan sát  - Đọc (CN, ĐT) |
| - Đọc tiếng chứa âm u ở nhóm thứ nhất  + GV đưa các tiếng chứa âm h ở nhóm thứ nhất: dù, đủ, hũ yêu cầu HS tìm điểm giống nhau (....cùng chứa âm u).  + Đánh vần tất cả các tiếng: dù, đủ, hũ  + Đọc trơn các tiếng dù, đủ, hũ  - Tương tự đọc tiếng chứa âm ư ở nhóm thứ hai: cử, dữ, lữ  - Tổng hợp: đọc trơn các tiếng chứa âm u,ư đang học  \* Ghép chữ cái tạo thành tiếng:  - Nhận xét | **-** HS nêu  - Đánh vần ( CN nối tiếp)  - Đọc (VN, Tổ)  - Đọc (CN, Bàn, ĐT)  - Thực hành BĐD: ghép tiếng có chứa âm u,ư |
| **c. Đọc từ ngữ**  Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + GV đưa tranh 1  - Con thấy gì trong tranh? (... một người đang nhảy dù)  - Giảng: dù được làm bằng vải, bạt chắc chắn dùng đeo vào người khi nhảy từ độ cao xuống như là nhảy từ máy bay.  - Xuất hiện tiếng dù  - Tiếng dù có âm gì vừa học? (.... âm u)  - Đọc trơn  -Nhận xét, sửa sai  + Tranh 2, 3,4 tương tự  - Đọc trơn từ  **dù đu đủ hổ dữ** | **-** Quan sát tranh và trả lời câu hỏi (CN)  - đọc trơn (CN, bàn)  - Đọc trơn từ (CN, ĐT) |
| 1. **Viết bảng (10’)**   **Mục tiêu:** HS viết được *u, ư, dù, hổ dữ* vào bảng con cỡ chữ vừa.  **-**  Viết chữ u  +Quan sát chữ mẫu u  + Chữ u gồm mấy nét? (... gồm 3 nét, nét xiên, 2 nét móc ngược  + GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ u    + Viết bảng con  + Nhận xét  - Viết chữ ư tương tự như viết chữ u sau đó viết thêm móc ở bên phải nét móc ngược thứ 2    + Viết bảng con  **-**  Viết từ: dù, hổ dữ  + GV viết mẫu (nhắc lại quy trình viết chữ dù, hổ dữ)  + viết bảng con: dù, hổ dữ  - Nhận xét, tuyên dương  ***\* Kết thúc tiết 1. Chuyển tiết (2’)*** | **-** Quan sát, nêu nhận xét (CN)  - Quan sát, lắng nghe  - viết bảng con  - viết bảng con  - Nêu cách viết (CN 2,3 em)  Quan sát  - Viết bảng con  - Nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn  - Lớp hát |
| **TIẾT 2 (35’)** | |
| **5. Viết vở (10’):**  **Mục tiêu:** HS tô và viết được *u, ư* và từ *dù, hổ dữ* vào vở Tập viết cỡ chữ vừa.  - Hướng dẫn HS tô và viết chữ u, ư, viết từ dù, hổ dữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vở Tập viết 1, tập một.  - Yêu cầu HS ngồi viết đúng tư thế, để sách ngay ngắn, cầm bút đúng cách.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và đánh giá một số bài viết của HS | **-** Quan sát vở tập viết  - Sửa tư thế trước khi viết bài  - Viết bài |
| **6. Đọc câu (10’)**  **Mục tiêu:** HS đọc được đoạn văn có chữ *u, ư* & trả lời được chính xác nội dung câu hỏi.  - HS đọc thầm câu "Cá hổ là cá dữ”,  - Tìm tiếng có âm u, ư  -GV chỉ  - Chữ nào được viết hoa? (...Cá)  - Vì sao chữ Cá được viết hoa? ( ... vì Cá ở đầu câu.)  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Quan sát tranh con thấy gì? (...Một con cá đang bơi, trông nó thật dữ dằn)  **\* Đọc bài sách giáo khoa.**  - Hướng dẫn đọc mục 2,4 SGK | **-** HS nêu (CN 2-3 em)  - Đọc trơn câu (CN, ĐT)  - Trả lời câu hỏi (CN)  - Quan sát tranh và trả lời các câu hỏi (CN)  - Đọc SGK (CN, ĐT) |
| **7. Nói theo tranh (10’)**  **Mục tiêu:** HS quan sát và suy đoán nội dung tranh, các em tự tin khi phỏng vấn người khác và khi giới thiệu về bản thân.  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Tranh vẽ cảnh ở đâu? (... ở sân trường)  + Em thấy có những gì trong tranh (.... có lớp học, có cây và các bạn HS)  + Em đoán xem các bạn HS đang làm gì? ( ... đang giới thiệu về mình)  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai tình huống trên  - Trình bày trước cả lớp,  GV và HS nhận xét.  \* GD HS: Đến trường học em được quen rất nhiều bạn bè, các anh chị, được các anh chị dạy mưa, hát, chơi trò chơi trong các buổi sinh hoạt sao. Các em phải đoàn kết, yêu quý bạn bè, vâng lời các anh chị. | - Quan sát tranh trong SHS và TLCH (CN)  - Nói lại toàn bộ nội dung tranh  - Nhận xét, bổ sung  - Thảo luận nhóm, đóng vai  - Một số nhóm trình bày |
| **8. Củng cố (5’):**  - Hôm nay học âm gì? (... âm u, ư)  - Đọc lại bài  - Thi tìm tiếng, từ có âm u ư,  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà, tìm tên các đồ dung ở nhà có chứa âm u,ư. | - Trả lời (CN 1,2 em)  - Đọc bài (ĐT)  - HS tìm và nêu miệng (CN)  - HS thực hành ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**

**Hoạt động trải nghiệm:**

**TUẦN 4: NHỮNG VIỆC NÊN LÀM TRONG GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nêu được những việc nên và không nên làm trong giờ học, giờ chơi

- Rèn kĩ năng kiên định, từ chối thực hiện những việc không nên làm trong giờ học

- Bước đầu rèn luyện kĩ năng thuyết phục bạn từ bỏ ý định thực hiện những việc không nên làm trong giờ học và giờ chơi

**2. Phẩm chất:**

- Hình thành phẩm chất trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- Một số hình ảnh về những hành vi nên và không nên làm trong giờ học.

- Một số hình ảnh hoặc thẻ chữ về những hành vi nên và không nên làm trong giờ chơi

- Một số tình huống phù hợp với thực tế để có thể thay thế các tình huống được gợi ý trong hoạt động 4

- Bài thơ *Chuyện ở lớp*, 1 quả bóng nhỏ, …

**2. Học sinh:**

- Nhớ lại những điều đã học về những việc thực hiện nội quy trường, lớp ở các bài trước và ở môn Đạo đức

- Thẻ có 2 mặt: xanh/ mặt cười, đỏ/ mặt mếu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 36’ | **VẬN DỤNG**  **Hoạt động 5: Nhận xét những hành vi đã thay đổi của các bạn**  -GV chia lớp thành các nhóm. Yêu cầu từng HS chia sẻ trong nhóm về những điều chưa phù hợp mà mình đã thay đổi được  -Yêu cầu các bạn trong nhóm lắng nghe tích cực, có thể đặt câu hỏi cho bạn nếu chưa rõ. Nhận xét sự thay đổi những hành vi chưa phù hợp của từng bạn.  -Gv yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ trước lớp về những thay đổi của các bạn trong nhóm  **Hoạt động 6: Chia sẻ những việc làm tích cực em đã thực hiện trong giờ học, giờ chơi**  -GV khuyến khích HS, đặc biệt những em còn nhút nhát, thiếu tự tin đứng lên chia sẻ những việc làm tích cực em đã thực hiện được trong giờ học và giờ chơi  -Yêu cầu các bạn trong lớp lắng nghe tích cực, để học hỏi lẫn nhau và có thể đặt câu hỏi cho bạn nếu chưa rõ  -GV tổng hợp những hành động tích cực của các em, chúc mừng và khen những em đã tham gia chia sẻ  **Tổng kết:**  -Gv yêu cầu HS chia sẻ những điều thu hoạch/ học được/ rút ra được bài học kinh nghiệm sau khi tham gia các hoạt động  -GV đưa thông điệp và yêu cầu HS nhắc lại để ghi nhớ: *Giờ học, em cần tập trung nghe giảng, tích cực phát biểu ý kiến. Giờ chơi, em cùng bạn vui chơi an toàn, thân thiện* | -HS tham gia  -HS theo dõi, nhận xét  -HS chia sẻ  -HS chia sẻ  -HS thực hiện  -HS lắng nghe  -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS nhắc lại |
| 2’ | 1. **CỦNG CỐ - DẶN DÒ**   -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị tiết sau | -HS lắng nghe |

**Tiếng Việt**

**Bài 14:** **Ch, ch. Kh, kh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống, có ý thức chăm sóc và bảo vệ các loài cá.

**2. Năng lực chung:**

Giao tiếp, hợp tác: Biết tham gia đóng góp ý kiến cùng các bạn khi tham gia học nhóm.

**3. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nhận biết và đọc đúng các âm *ch, kh* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *ch, kh*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

+Viết đúng chữ *ch, kh* và các tiếng, từ có chữ  *ch, kh*

+ Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *ch, kh* có trong bài học.

+ Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Cá cảnh*

+ Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết một số loài vật và món ăn gần giũ, quen thuộc như : khỉ, cá, cá kho.

- Năng lực tính toán: Nhận biết và đếm dược có 3 chú khỉ đang ăn chuối.

**II. ĐỒ DUNG DẠY- HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm ch, kh , 1 vài chiếc lá khô sidle trình chiếu

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng**,** bảng con**.**

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1(35’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Ôn và khởi động (6’)**   **Mục tiêu:** Củng cố lại *u, ư*  - Ghép tiếng, từ có chứa u, ư  - Nhận xét, tuyên dương  \* Vận động cùng Gv | - ghép trên bộ đồ dùng, đọc từ mình ghép được  - HS vận động |
| **2. Nhận biết (7’)**  **Mục tiêu:** HS nhận biết chữ *ch, kh và số lượng là 3.*  - Yêu cầu quan sát tranh và TLCH  + Em thấy những gì trong bức tranh? (Những chú khỉ đang ăn chuối)  \* Chốt: Loài khỉ sống trong rừng chúng rất thông minh và thích ăn hoa quả  - Đưa câu**Mấy chú khỉ ăn chuối.**  - Đọc mẫu: **Mấy chú khỉ ăn chuối.**  - Nhận biết tiếng có âm ch, kh giới thiệu chữ ghi âm ch, kh. GV giới thiệu chữ Ch, Kh in hoa, ch, kh in thường.  **-** Ghi đầu bài | - Quan sát, TLCH (CN)  - Nhận xét    - HS đọc theo GV 2,3 lần    - Nhắc lại đầu bài (CN nối tiếp) |
| **3. Đọc (10’)**  **Mục tiêu:** HS đọc được chữ *ch, kh* tiếng, từ ngữ có chứa *ch, kh*  **a. Đọc âm ch, kh**  **- *Âm ch***  + GV đưa âmch lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ch trong bài học. (âm ch được ghép bởi 2 âm c và h ta đọc là chờ)  +GV đọc mẫu âm ch  + GV yêu cầu HS đọc  **- *Âm kh***  + GV đưa âmkh lên bảng để giúp HS nhận biết chữ kh trong bài học. (âm kh được ghép bởi 2 âm k và h ta đọc là khờ)  +GV đọc mẫu âm kh  + GV yêu cầu HS đọc  - So sánh âm ch, kh (Giống nhau đều có 2 âm ghép lại âm sau là h, khác nhau âm đầu c, k, đọc khác nhau) | - Quan sát  - Lắng nghe  - Đọc (CN nối tiếp, ĐT)  - Quan sát  - Lắng nghe  - Đọc (CN nối tiếp, nam,nữ)  - So sánh u, ư (CN) |
| **b. Đọc tiếng**  + Giới thiệu mô hình tiếng mẫu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ch | u |  | kh | i | | chú | | khỉ | |   + Y/C HS đánh đọc đ/v khung vần (chờ-u-chu-sắc-chú;khờ-i-khi-hỏi-khỉ.) | - Quan sát  - Đọc (CN, ĐT) |
| - Đọc tiếng chứa âm ch ở nhóm thứ nhất  + GV đưa các tiếng chứa âm ch ở nhóm thứ nhất: chè, chỉ, chợ yêu cầu HS tìm điểm giống nhau (....cùng chứa âm ch).  + Đánh vần tất cả các tiếng: chè, chỉ, chợ  + Đọc trơn các tiếng chè, chỉ, chợ  - Tương tự đọc tiếng chứa âm kh ở nhóm thứ hai: khế, kho, khô  - Tổng hợp: đọc trơn các tiếng chứa âm ch, kh đang học  \* Ghép chữ cái tạo thành tiếng:  - Nhận xét | **-** HS nêu  - Đánh vần ( CN nối tiếp)  - Đọc (VN, Tổ)  - Đọc (CN, Bàn, ĐT)  - Thực hành BĐD: ghép tiếng có chứa âm ch, kh |
| **c. Đọc từ ngữ**  Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + GV đưa ra mấy chiếc lá  - Trên tay cô cầm gì? (... mấy các lá)  - Mấy chiếc lá này có đặc điểm gì? ( .. khô)  - Giảng: Khi những chiếc lá già đi, chúng sẽ héo, khô và dụng xuống.  - Xuất hiện từ lá khô  - Từ lá khô có âm gì vừa học? (.... âm kh)  - Đọc trơn  -Nhận xét, sửa sai  + Tranh 2, 3,4 tương tự  - Đọc trơn từ  **lá khô chú khỉ chợ cá** | **-** Quan sát tranh và trả lời câu hỏi (CN)  - đọc trơn (CN, bàn)  - Đọc trơn từ (CN, ĐT) |
| **4. Viết bảng (10’)**  **Mục tiêu:** HS viết được *ch, kh, chú khỉ* vào bảng con cỡ chữ vừa.  **-**  Viết chữ ch  +Quan sát chữ mẫu ch  + Chữ ch gồm mấy con chữ ? (... gồm 2 con chữ, con chữ c đứng trước nối liền với con chữ h)  + GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ ch    + Viết bảng con  + Nhận xét  - Viết chữ kh tương tự    + Viết bảng con  **-**  Viết từ: chú khỉ  + GV viết mẫu (nhắc lại quy trình viết chữ chú khỉ)  + viết bảng con: chú khỉ  - Nhận xét, tuyên dương  ***\* Kết thúc tiết 1. Chuyển tiết (2’)*** | **-** Quan sát, nêu nhận xét (CN)  - Quan sát, lắng nghe  - viết bảng con  - viết bảng con  - Nêu cách viết (CN 2,3 em)  Quan sát  - Viết bảng con  - Nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn  - Lớp hát |
| **TIẾT 2 (35’)** | |
| **\* Khởi động:** GV cho HS hát vui để tạo hứng khởi cho HS khi vào tiết học mới.  **5. Viết vở (10’)**  **Mục tiêu:** HS tô và viết được *ch, kh* và từ *chú khỉ* vào vở Tập viết cỡ chữ vừa.  - Hướng dẫn HS tô và viết chữ ch, kh, viết từ chú khỉ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vở Tập viết 1, tập một.  - Yêu cầu HS ngồi viết đúng tư thế, để sách ngay ngắn, cầm bút đúng cách.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và đánh giá một số bài viết của HS | **-** Quan sát vở tập viết  - Sửa tư thế trước khi viết bài  - Viết bài |
| **6. Đọc câu (10’)**  **Mục tiêu:** HS đọc được đoạn văn có chữ *ch, kh và*  trả lời được chính xác nội dung câu hỏi. Biết được món ăn mới là *cá kho khế*.  - HS đọc thầm câu "Chị có cá kho khế”,  - Tìm tiếng có âm ch, kh  -GV chỉ  - Chữ nào được viết hoa? (...Chị)  - Vì sao chữ Chị được viết hoa? ( ... vì Chị ở đầu câu.)  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Quan sát tranh con thấy gì? (...hai chị em đanggiúp mẹ nấu cơm, chị kho cá với khế rất thơm và ngon. Em vui thích)  **\* Đọc bài sách giáo khoa.**  - Hướng dẫn đọc mục 2,4 SGK | **-** HS nêu (CN 2-3 em)  - Đọc trơn câu (CN, ĐT)  - Trả lời câu hỏi (CN)  - Quan sát tranh và trả lời các câu hỏi (CN)  - Đọc SGK (CN, ĐT) |
| **7. Nói theo tranh (10’)**  **Mục tiêu:** HS quan sát tranh & trả lời câu hỏi; kể tên một số loài cá cảnh, có ý thức chăm sóc và bảo vệ các loài cá cảnh.  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Tranh vẽ cảnh ở đâu? (... trong phòng)  + Em thấy có những gì trong tranh (.... có bạn Nam, có bể cá cảnh đặt trên tủ. Trong bể có ngững chú cá đang bơi)  + Em đoán xem bạn Nam đang nghĩ gì? ( ... Nam đang thích thú ngắm nhìn các chú các chú cá bơi lội)  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, nói về ND tranh.  - Trình bày trước cả lớp,  GV và HS nhận xét.  \* GD HS: Trong thiên nhiên có rất nhiều các loài vật sinh sống mỗi loài đều có vẻ đẹp riêng, có lợi ích riêng. Chúng ta phải bết bảo vệ các loài vật có ích. | - Quan sát tranh trong SHS và TLCH (CN)  - Nói lại toàn bộ nội dung tranh  - Nhận xét, bổ sung  - Thảo luận nhóm.  - Một số nhóm trình bày |
| **8. Củng cố (5’)**  - Hôm nay học âm gì? (... âm ch, kh)  - Đọc lại bài  - Thi tìm tiếng, từ có âm ch, kh,  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà, tìm tên các đồ dung ở nhà có chứa âm ch, kh. | - Trả lời (CN 1,2 em)  - Đọc bài (ĐT)  - HS tìm và nêu miệng (CN)  - HS thực hành ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................................................................................................**

**Tiếng Việt**

**Bài 15: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: biết lắng nghe GV kể chuyện và kể lại được từng đoạn chuyện và cả câu chuyện theo gợi ý và không theo gợi ý dưới tranh.

**2. Năng lực chung:**

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Rèn luyện cho HS kĩ năng xử lí tình huống và giải quyết vấn đề thông qua câu chuyện Con Quạ thông minh.

**3. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nắm vững cách đọc các âm *i, k, l, h, u, ư, ch, kh* ; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *i, k, l, h, u, ư, ch, kh ;* hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

+ Phát kĩ năng viết thông qua viết cụm từ chứa một số âm – chữ đã học.

+ Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Con Quạ thông minh* trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện được nghe và kể lại câu chuyện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- GV: Tranh minh họa nội dung câu chuyện Con Quạ thông minh ; Bảng phụ có ghi các chữ như trong SHS( trang 42) câu *Chị cho bé cá cờ. Dì Kha cho Hà đi chợ* viết trên bảng phụ; các băng giấy rời viết các từ *chú hề, cợ cá, che ô, lá khô, bờ hồ, cá dữ.*

- HS: bảng con , phấn, bộ đồ dùng, vở Tập viết, SHS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động: 5’**  **Mục tiêu**: Tạo tâm thế phấn khởi cho HS khi bước vào tiết học.  - HS viết chữ l, k, ch, kh  - ghép và đọc các tiếng, từ có âm ch, kh  - GV nhận xét, tuyên dương  - GT bài mời  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ: 10’**  **Mục tiêu:** HS đọc chính xác các tiếng, từ có chứa các âm đã học.  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | e | ê | i | u | ư | | k | ke | kê | ki | ……. | ……. | | h | he | hê | hi | hu. | hư | | l | le | lê | li | lu | lư | | ch | che | chê | chi | chu | chư | | kh | khe | khê | khi | khu | khư |   - Bổ sung các thanh điệu khác nhau vào các tiếng vừa ghép để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó. (VD: kẻ, kề, hú...)  **c. Đọc từ ngữ:**  - HS đọc thành tiếng các từ ngữ ở mỗi bình mật ong  - Giải nghĩa từ: chú hề (bằng hình ảnh), lá hẹ ( bằng vật thật)  **3. Đọc câu: 10’**  **Mục tiêu**: HS đọc và trả lời chính xác câu ứng dụng có chứa âm đã học.  **Câu 1: Chị cho bé cá cờ.**  - HS đọc thầm cả câu, tìm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.  GV giải thích nghĩa của từ ngữ (nếu cần).  - GV đọc mẫu.  - Đọc trơn câu  **Câu 2: Dì Kha cho Hà đi chợ.**  Thực hiện các hoạt động tương tự như đọc câu 1.  **4. Viết: 10’**  ***Mục tiêu:*** HS viết được cụm từ *cá kho khế* vào vở Tập viết 1, tập một.  - Hướng dẫn HS viết câu: cá kho khế vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.  - GV quan sát, sửa lỗi và nhận xét, đánh giá bài viết cho HS.  - Chuyển tiết | - HS viết bảng con  - HS ghép BĐD  - HS lắng nghe  - Hs ghép và đọc: CN- N- CL  - HS lắng nghe    - CN- N- CL  - CN-N-CL  - Quan sát và lắng nghe  - đọc thầm  - HS nêu (CN)  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - CN-N-CL  - HS viết vở tập viết  - Lớp hát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Đọc sách HS : 5’**  **5. Kể chuyện:**  ***Mục tiêu:*** HS nghe kể câu chuyện. Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Con Quạ thông minh* trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện.  **a. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời : 10’**  - Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện **Con quạ thông minh**(SGV- tr 73,74)  - Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến ở dưới gốc cây. GV hỏi HS:  - Quạ thấy gì ở dưới gốc cây?  Đoạn 2: Từ Quạ sà xuống đất đến không thể tới được. GV hỏi HS:  - Quạ có uống được nước trong bình không? Vì sao?  Đoạn 3: Từ Nhìn xung quanh đến gắp những viên sỏi khác thả vào bình, GV hỏi HS:  - Quạ đã nghĩ ra điều gì?  Đoạn 4: Từ Chẳng bao lâu đến hết. GV hỏi HS:  - Cuối cùng, quạ có uống được nước trong bình không? Vì sao?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.- Kể chuyện trong nhóm (nhóm 4)  **c. HS kể chuyện : 15’**  - Kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV.  - Kể toàn bộ câu chuyện  **6. Củng cố: 5’**  - Nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện Con quạ thông minh. | - Đọc (CN, ĐT)  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS kể trong nhóm  - Một số nhóm kể  - Hs kể (CN)  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….............................................................................................**

**Toán:**

**BÀI 4: SO SÁNH SỐ (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức,kĩ năng**

- Nhận biết được các dấu >,<,=

- Hiểu và sử dụng được các dấu >,<,= khi so sánh hai số

- Nhận biết được cách so sánh,xếp thứ tự các số trong phạm vi 10( Ở các nhóm ko quá 4 số )

**\*Năng lực và phẩm chất**

- Năng lực tư duy tìm ra nhóm đồ vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất

- Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, góp phần phát triển tư duy và suy luận, năng lực giao tiếp toán học.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- GV: Tranh SGK, PBT bài 3

- HS: Bộ đồ dùng học toán 1, bảng con

**III. Các hoạt động dạy học :**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **Hoạt động 1:Khởi động**  -Cho HS chơi trò chơi: Làm theo hiệu lệnh người chỉ huy  Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm  4...2 5...3 9...8  6...4 8...5 10...5  -Nhận xét tuyên dương | - Làm bảng con 2 HS lên bảng làm  - nhận xét |
| **Hoạt động 2: Bài mới**  **1. Giới thiệu bài:** Bé hơn , dấu <  **2. Khám phá:**  -Gắn hình lên bảng và hỏi : Bên trái có mấy con chim ? Bên phải có mấy con chim  - Viết số 2 và 3 tương ứng dưới mỗi hình  +Số chim bên nào ít hơn  \*Kết luận: 2 con chim bên trái ít hơn 3 con chim bên phải.Vậy ta nói 2 bé hơn 3  - Viết 2 < 3 lên bảng  - GV giới thiệu dấu < đọc là "bé hơn"  - HD hs cài phép so sánh : 2 < 3 vào bảng cài  - Hình 2 : Tiến hành tương tự như trên.  **\*** Viết 6v< 8  -Nhận xét ,tuyên dương | -Cá nhân  -Bên trái có 3 con chim ,bên phải có 3 con chim  - Số chim bên trái ít hơn  - Lắng nghe  -Quan sát  - Ghép bảng gài rồi đọc " 2 bé hơn 3" (CN,N,L)  -Thực hiện theo yêu cầu |
| **3.Hoạt động**:  Bài 1/26: Tập Viết dấu <  -Hướng dẫn HS viết 1 dòng dấu < vào VBT.  \*BT này các em lưu ý viết dấu bé đúng kích thước  Bài 2: Tìm số thích hợp  - Hướng dẫn hs nối ô trống với số thích hợp  - Cho 1 hs làm mẫu  - Cho hs làm bài  -Nhận xét – tuyên dương  \*Bài này các em có thể thử từng số để chọn đáp án đúng  Bài 3/27: So sánh (theo mẫu)  -Hướng dẫn hs đếm số lượng các con vật rồi điền vào ô trống tương ứng sau đó so sánh và điền dấu lớn vào ô trống ở giữa  -Cho 1 hs làm mẫu hình con kiến  -Cho hs làm bài vào PBT  -Nhận xét-chữa bài  \*BT này các em lưu ý đếm chính xác số lượng các con vật có trong hình để so sánh điền dấu  Bài 4/27: Cho mỗi chuồng một xe cỏ để số bó cỏ nhiều hơn số dê  - Hướng dẫn hs hiểu y/ c đề bài và cách làm :đếm trong chuồng có bao nhiêu con dê, trên mỗi xe có bao nhiêu bó cỏ rồi thử nối để chọn ra đáp án đúng  Cho hs dùng bút nối vào SGK  -Nhận xét –chữa bài | - Cá nhân  -Viết vào vở BT  -Cá nhân (miệng)  - Lắng nghe hướng dẫn cách làm  -Làm mẫu chọn số 2 bé hơn số 3 nên nối ô trống đến số 2  -Làm bài  -Trình bày: H1: 3<4; H2: 6<8;H3: 4<9  -Nhóm 2  -Lắng nghe  - Làm mẫu  - Làm vào PBT-Đính bảng-Nhận xét  - Kiểm tra bài lẫn nhau theo nhóm cặp  H1: 4<5; H2: 3<6; H3: 3<4;H4:2<4  -Nhóm 2  -Lắng nghe  - Làm bài vào SGK theo nhóm cặp  - đại diện nhóm chia sẻ kq -nhận xét |
| **4. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn**  - Cho hs đếm số bạn nam và số bạn nữ trong tổ mình rồi cài phép so sánh vào bảng cài  - Nhận xét, tuyên dương  **\*Củng cố, dặn dò**  - Tổng kết bài học.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những học sinh tích cực. | - Đếm và cài theo nhóm 2 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….................................................................................................**

**Luyện Tiếng Việt:**

**Luyện đọc, viết: h, l, u, ư**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Phát triển kĩ năng đọc: Nhận biết và đọc đúng h, l, u, ư, đọc đúng các tiếng có chứa h, l, u, ư, ch, kh

- Phát triển kĩ năng viết: Điền đúng h, l, u, ư, vào chỗ chấm

- Phát triển kĩ năng quan sát, Biết nối các tiếng với tranh tương ứng

\* Phát triển năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, tự chuẩn bị đồ dùng học tập.

**\*** Phát triển phẩm chất học, mạnh dạn tự tin trao đổi ý kiến, tự hòa nhập bản thân với mọi người xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:**

Vở bài tập tiếng việt. Bảng con, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1, Khởi động.**  Gv cho hs hát  \*Gv cho hs đọc lại bài học buổi sáng.  **2. Luyện tập thực hành**.  Bài 1/ 16 GV đọc yêu cầu  GV hướng dẫn HS quan sát tranh và nối cho phù hợp.  GV gợi ý: Em thấy gì ở các tranh?  GV yêu cầu HS Làm việc cá nhân.  - **Bài 2/16**  -GV đọc yêu cầu  GV gợi ý: Em thấy gì trong tranh?  -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  -GV cho HS đọc lại từ  -GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 3/16**  -GV đọc yêu cầu  -GV cho HS làm việc cá nhân.  -GV gọi hs trình bày kết quả  -GV cho hs đọc lại các câu vừa làm  **3. Củng cố**  - Cho HS viết bài buổi chiều ở vở  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | Hs nhắc lại yêu cầu. Nối  Hs đọc các tiếng chó ,khế, khỉ ,chỉ  chó---------- Hình 3  khế---------- Hình 1  khỉ---------- Hình 2  chỉ---------- Hình 4  Đọc lại bài làm. Tìm tiếng chứa ch, kh  Hs đọc yêu cầu điền *kh* hoặc ch  Hs thảo luận nhóm đôi  Hs đại diện nhóm trình bày  Cá khô , che ô , chú hề  Hs nhận xét bài làm của bạn  Bài 3 hs đọc yêu cầu:  Điền kh hoặc ch.   1. Chị Kha cho Hà đi chợ. 2. Bà có cá kho khế. 3. Cô Chi cho bé ô đỏ.  * Hs đọc |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:Tự nhiên – Xã hội:**

**LUYỆN ĐOC, VIẾT: I, K, H, L**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm i , k, h ,lđã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  i , k, h ,l  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  i , k, h ,l, kì, hồ. lê. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**LUYỆN ĐỌC, VIẾT: U, U, CH, KH**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm u,ư, ch, kh đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY –HỌC:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  u, ư, ch, kh  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  u, ư, ch, kh, chú, khỉ, chữ. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**Toán:**

**BÀI 4: SO SÁNH SỐ (Tiết 3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức,kĩ năng**

- Nhận biết được các dấu >,<,=

- Hiểu và sử dụng được các dấu >,<,= khi so sánh hai số

- Nhận biết được cách so sánh,xếp thứ tự các số trong phạm vi 10( Ở các nhóm ko quá 4 số )

**\*Năng lực và phẩm chất**

- Năng lực tư duy tìm ra nhóm đồ vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất

- Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, góp phần phát triển tư duy và suy luận, năng lực giao tiếp toán học.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- GV: Tranh SGK, PBT bài 3

- HS: Bộ đồ dùng học toán 1, bảng con

**III. Các hoạt động dạy học :**

**Tiết 3**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **Hoạt động 1:Khởi động**  -Cho HS chơi trò chơi :Hái hoa  Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm  4...7 5...9 9...10  6...8 8...10 1...2  -Nhận xét tuyên dương | -Tham gia hái hoa và thực hiện yêu cầu của bông hoa đó |
| **Hoạt động 2: Bài mới**  **1.Giới thiệu bài:** Bằng nhau, dấu =  **2.Khám phá:**  - Gắn hình lên bảng và hỏi : Đố các em đây là cái gì?  -Giới thiệu tác dụng của cuốc và xẻng  - Yêu cầu hs đếm số xẻng và số cuốc  -Viết số 4 và 4 tương ứng dưới mỗi hình  \*Kết luận: có 4 xẻng và 4 cuốc.khi hai số bằng nhau ta dùng dấu = để viết phép so sánh 2 số  -Viết 4= 4 lên bảng  -Giới thiệu dấu = đọc là "dấu bằng"  -HD hs cài phép so sánh : 4 = 4 vào bảng cài  - Hình 2 : Tiến hành tương tự như trên.  \* Viết 5 = 5  -Nhận xét – tuyên dương | -Cá nhân  - Quan sát trả lời :cuốc và xẻng  - có 4 xẻng và 4 cuốc.  - Lắng nghe  -Đọc " 4bằng 4" (CN,N,L)  - Thực hiện thao tác vào bảng gài  -Thực hiện theo yêu cầu |
| **3.Hoạt động**:  Bài 1/28: Tập Viết dấu =  Hướng dẫn HS viết 1 dòng dấu = vào VBT.  \*BT này các em lưu ý viết dấu bằng đúng kích thước  Bài 2/28: Tìm hính thích hợp  - Yêu cầu HS quan sát tranh SGK/28  - Hướng dẫn HS dùng bút chì lần lượt ghép cặp các sự vật lại với nhau  -Nhận xét – tuyên dương  *\**Bài này các đếm chính xác số lượng các nhóm đồ vật ở 2 cột để nối đúng theo y/c  Bài 3/29: Chọn câu trả lời đúng  - Hướng/d hs đếm số lượng lá vàng và lá xanh so sánh và chọn ra đáp án đúng  -Cho HS làm bảng con  -Nhận xét-chữa bài  \*BT này các em lưu ý đếm chính xác số lượng các đồ vật có trong hình so sánh đề chọn ra đáp án đúng  Bài 4/29: >,<,=?  -Hướng/d hs đếm số chấm tròn trên lưng con bọ rùa để so sánh ,điền dấu thích hợp  - Cho hs làm vào PBT  -Nhận xét –chữa bài | -Cá nhân  -Viết vào vở BT  -Cá nhân  -Quan sát  - HS nối tiếp nêu cặp hình có số lượng bằng nhau  -Trình bày kết quả-nhận xét bạn  Nối 4 con gà bằng 4 con vịt, 1 cái tô bằng 1 cái thìa, Ba bạn nữ bằng 3 bạn nam, năm đám mây bằng 5 giọt mưa  -Cá nhân  - Hs q/s tranh đếm và so sánh  -Làm bảng con- Chia sẻ kq trước lớp  Đáp án : B  -Nhóm 2  -Lắng nghe  -Thảo luận làm vào VBT -Đính bảng  -nhận xét  H1: 4=4; H2: 5<7; H3: 6<8;H4; 3=3 |
| **4. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn**  -Gắn 1 số đồ vật lên bảng: 4 que tính,4 cái thước,3 hình vuông,3 hình tròn,5 bông hoa ,5 con bướm  - Y/c tổ chức cho hs lên bảng chơi trò chơi tiếp sức tìm các đồ vật có số lượng bằng nhau xếp vào 2 cột tương ứng  - Nhận xét –tuyên dương nhóm thắng cuộc  **\* Củng cố, dặn dò**  - Tổng kết bài học.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những học sinh tích cực. | -Chia làm 2 đội ,mỗi đội cử 3 bạn lên bảng thi tiếp sức  -nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….....................................................................................................**

**Hoạt động trải nghiệm:**

**SINH HOẠT LỚP TUẦN 4**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 1 “Chào năm học mới”, làm quen với sinh hoạt sao nhi đồng

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:**

GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…

HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Ổn định tổ chức: 1’**  - Mời HĐTQ lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết, thảo luận KH tuần sau: 9’**  a. Sơ kết tuần học:  \* Cách thức tiến hành:  - CTHĐTQ mời các trưởng ban báo cáo, nhận xét kết quả các mặt HĐ  - CTHĐTQ nhận xét chung  Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất  - CTHĐTQ tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm; nhắc nhở nhóm, ban cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn  - GVCN đánh giá về:  + PP làm việc của HĐTQ  + Phát hiện, tuyên dương, động viên  + Nhắc nhở, góp ý, động viên, sửa sai để các em tiến bộ, hoàn thiện  + Định hướng KH h/ động tuần tới  - CTHĐTQ: xây dựng KH tuần tới  b. Xây dựng kế hoạch tuần tới: 8’  \*Cách thức tiến hành:  - CTHĐTQ yêu cầu các trưởng ban lập kế hoạch thực hiện.  - Các ban thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới  - CTHĐTQ cho cả lớp hát  - Các Trưởng ban báo cáo KH tuần tới.  - CTHĐTQ: Nhận xét chung  Lớp nắm được KH tuần tới chưa?  - CTHĐTQ: Chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý  - CTHĐTQ: mời GVCN ý kiến.  **3. SH theo chủ đề:**  Hoạt động 1: Thành lập sao nhi đồng  Bước 1: Giới thiệu – làm quen  - GVCN nêu mục đích, ý nghĩa  - Giới thiệu các anh, chị PTS của lớp.  Bước 2: Chia lớp thành các Sao  - GV tuyên bố: Mỗi tổ là một Sao  - GV phân công các anh, chị PT về các Sao  Hoạt động 2: Sinh hoạt sao buổi đầu tiên  GV quan sát, hỗ trợ khi cần  - Anh/ chị PTS chọn địa điểm trong sân  - Anh/ chị PTS GT tên, lớp học của mình.  Tổ chức sinh hoạt Sao theo 4 bước  **4. Đánh giá: 8’**  a/ Cá nhân tự đánh giá:  - H/ dẫn HS tự đánh giá theo mức:  - Tốt: Thực hiện được thường xuyên YC:  + Chủ động chào hỏi. Tự GT bản thân. Tự tin. Hỏi thông tin về bạn.  - Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  - Cần cố gắng: Chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, chưa thường xuyên  b/ Đánh giá theo tổ/ nhóm:  - Có sáng tạo, Có thái độ thân thiện, cởi mở, khi thực hành không?  - Thái độ tham gia có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm không?  c/ Đánh giá chung của GV:  Đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **\* Củng cố- dặn dò: 1’**  - Nhận xét, dặn dò nhắc nhở HS | - Hát một số bài hát.  - Các trưởng ban nêu ưu điểm tồn tại việc thực hiện HĐ của các ban.  - CTHĐTQ nhận xét chung cả lớp.  - Các thành viên trong lớp góp ý  - Lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - Biểu quyết thống nhất bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - HS nghe.  - Các ban thực hiện theo CTHĐ.  - Các ban thảo luận, nêu KH tuần tới: Nhiệm vụ phải thực hiện, khắc phục hạn chế tuần qua, phát huy những lợi thế đạt được; p/ công nhiệm vụ cụ thể  - Hát  - Trưởng ban lên báo cáo. Tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - Cả lớp trả lời  - Lớp cho 1 tràng pháo tay.  - HS vỗ tay đón chào anh, chị  - HS theo dõi  - Lần lượt từng em trong Sao giới thiệu tên, tuổi của mình  -HS tham gia sinh hoạt sao  - Các em ngồi vòng tròn  - Nghe  - Các thành viên trong tổ đánh giá  - Đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe.  - Tổ trưởng điều hành |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**Luyện toán: Ôn: Lớn hơn, dấu lớn**

**YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**\* Kiến thức:**

- Đọc, viết, sử dụng được dấu > khi so sánh 2 số.

- So sánh được các số trong phạm vi 10

**\* Năng lực:** Biết tìm ra nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Tranh, ảnh; bảng phụ, phiếu BT.

- HS: Bảng con, que tính, VBT, Bộ đồ dùng toán 1.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **1. KHỞI ĐỘNG: 2’**  - Tổ chức trò chơi xem ai nhanh mắt hơn  - Giới thiệu bài học.  - Ghi bảng: So sánh số  **2. LUYỆN TẬP: 30’**  Bài 1/19: Viết vào ô trống( theo mẫu)  - GV nêu yêu cầu đề  - GV hướng dẫn mẫu  - GV quan sát, nhận xét, hỗ trợ các em.  -GV củng cố cho các em về sử dụng dấu lớn khi so sánh 2 số.  Bài 2/19: Viết vào ô trống( theo mẫu)  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV cùng HS nhận xét.  Bài 3/19: Vẽ thêm chấm tròn rồi viết số  - GV cùng HS nhận xét.  Bài 4/19: GV nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS tìm xem trong bài có những số nào lớn hơn 6.  - GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau  - GV cùng HS nhận xét.  **3. VẬN DỤNG: 3’**  **Củng cố, dặn dò:**  - GV tổng kết bài học.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những học sinh tích cực.  - Dặn HS về nhà hoàn thành các BT vào vở | - Tìm những vật nhiều hơn là thắng  - Đọc mục tiêu 2  - HS lắng nghe.  - Nêu lại yêu cầu của đề  - HS làm bài vào VBT.  9 > 7; 5 > 3; 3 > 2; 5 > 3  - HS lắng nghe.  - Nêu lại yêu cầu của đề  - Thực hiện viết BC các số  - Vẽ chấm tròn viết số vào ô trống  - HS viết vào VBT.  8 > 6; 6 > 4; 4 > 2  - Nghe, thực hiện yêu cầu của GV  -HS làm bài  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và trả lời  -HS làm bài. |

**Luyện toán: Ôn: Bé hơn, dấu bé; Bằng nhau, dấu bằng**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các kiến thức:**

- Nhận biết được các dấu <, =.

- Sử dụng được các dấu <, = khi so sánh hai số.

- Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong PV10 (ở nhóm không quá 4 số).

**2. Phát triển các năng lực, phẩm chất**

**+ Năng lực:**

Biết tìm ra nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất

**+ Phẩm chất:** Rèn tính tự lập, kỉ luật, chăm chỉ, siêng năng, hứng thú trong môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** vở BT Toán, tranh ảnh minh hoạ,

**- HS:** vở BT Toán, bộ thực hành Toán, bút…

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **1. KHỞI ĐỘNG:**  - Cho cả lớp hát bài: Đếm sao  - GV dẫn dắt vào bài, ghi bảng  **2. LUYỆN TẬP:**  **Bài 1:** Viết số vào ô trống (VBT)  - GV nêu yêu cầu  - GV yêu cầu HS QS bức tranh, hỏi:  + Ô bên trái số mấy? Ô bên phải số mấy?  + So sánh 2 số? Điền dấu  Y/cầu HS tìm dấu thích hợp để điền  - Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.  **Bài 2:** (Vở BT/ 26)  - GV nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.  - GV theo dõi, giúp đỡ những HS chậm  - GV chấm 1 số bài, nhận xét  **Bài 3:** (Vở BT/ 26)  - GV nêu yêu cầu  - GV đưa tranh, GV hỏi:  - Có bao nhiêu con khỉ trong tranh?  - Có mấy quả dừa?  - Con khỉ nào có nhiều quả dừa nhất?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.  **3. VẬN DỤNG:**  **+ Trò chơi: “Ai nhanh nhất”**  - Chia lớp thành 2 đội chơi.  - GV hướng dẫn cách chơi và luật chơi.  **+ Dặn dò**: Về nhà tập các phép tính trừ. | - Hs hát  - 1 HS nhắc lại yêu cầu  Số 3, Số 5  3<5  - HS nghe  - HS làm vào vở BT  - Nhắc lại yêu cầu, nêu cách làm  - HS làm vào vở BT  *- HS chậm/ KT*  - 1 HS nhắc lại yêu cầu  - có 3  - HS đếm  - Hs trả lời, nhận xét, bổ sung  - HS làm vào vở BT  -HS nghe  - Cho cả lớp chơi.  - 2 đội chơi  - Lắng nghe, ghi nhớ |